

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/DS-ST
Ngày: 17-9-2020
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phương;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST - DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1971; HKTT: Số C41/Bis, khu phố P, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1964; HKTT: Số B194, khu phố Bình H, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không có lý do.

NỘI D V U Á N:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2020 của bà Nguyễn Thị Thu V và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Mỹ D quen biết nhau do cùng làm chung tại trường mẫu giáo Hoa Cúc 1, hiện nay bà D đã nghỉ hưu. Khoảng năm 2016 bà D có lập một quỹ tương trợ (hui heo) cho một số nhân viên trong trường tham gia trong đó có bà V. Cách thức chơi, mỗi phần là 70.000 đồng, góp tiền theo hàng tuần, thời gian góp được tính từ ngày một tháng một âm lịch hàng năm, thời gian hót hui ngày cuối cùng của năm, góp bao nhiêu thì nhận lại bấy nhiêu. Năm 2019 bà V chơi bảy phần mỗi phần 70.000 đồng, tổng cộng mỗi tuần bà V góp 490.000 đồng cho bà D. Bà V đã góp được 39 lần tương đương 39 tuần, tổng cộng số tiền 19.100.000 đồng. Sau đó bà D cho biết

từ trước đến nay bà đứng ra chơi hụi dùm cho bà V tại chủ hụi bà Phan Thị Út M hiện nay bà M đã bỏ trốn. Ngày 09/01/2020 bà D đã trả lại cho bà V số tiền 2.000.000 đồng của 04 tuần góp do bà Út M đã bỏ trốn không thu nữa. Hiện nay bà D còn nợ bà V số tiền 17.100.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D phải có trách nhiệm trả lại số tiền 17.100.000, tại phiên tòa bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà D trả lại số tiền 16.620.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Biên bản hòa giải ngày 22/3/2020 tại ban điều hành khu phố Bình H, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Khoảng năm 2016 đến năm 2019, bà V có nhờ bà D chơi hụi dùm bà V với chủ hụi Huỳnh Thị Út M (tên thường gọi Ph), địa chỉ: B62 khu phố Bình P, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Mỗi tuần bà V đưa cho bà D 490.000 đồng, sau đó bà D đưa lại cho bà Út M. Năm 2019 bà Út M bỏ trốn không trả tiền chơi hụi cho bà D nên bà D không có để đưa lại cho bà V. Năm 2019 bà V đưa cho bà D được 38 lần mỗi lần 490.000 đồng, tổng số tiền 18.620.000 đồng. Bà D đã đưa lại cho bà Út M được 34 tuần tương đương số tiền 16.620.000 đồng. Còn 2.000.000 đồng do bà M không đến thu nên bà D đã trả lại cho bà V.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng; triệu tập họp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất, xét xử nhưng bị đơn không chấp hành và vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội D vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã nhận 16.620.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D trả số tiền đã nhận khi góp tiền chơi hụi heo nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp đòi tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Mỹ D có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại số B194, khu phố Bình H, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo biên bản xác minh ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Công an phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định bà Huỳnh Thị Út M có đăng ký thường trú tại địa chỉ B62 khu phố Bình P, phường Bình N, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng bà M đã không còn ở tại địa chỉ trên từ tháng 3/2020 đến nay. Hiện nay bà M đang sinh sống tại địa chỉ nào địa phương không biết. Ngoài ra, do bà D không có yêu cầu gì đối với bà M và bà D cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh bà M có liên quan trong vụ án trên. Do đó, Tòa án không đưa bà Huỳnh Thị Út M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về nội D: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 16.620.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Việc bà Nguyễn Thị Mỹ D thừa nhận đã nhận của bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 18.620.000 đồng, đã trả được 2.000.000 đồng cho bà V. Xét sự thừa nhận trên của đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Tại phiên tòa bà V yêu cầu bà D trả lại số tiền góp hụi heo đã nhận là 16.620.000 đồng. Bà D xác định số tiền trên bà chỉ chơi hụi dùm cho bà V với người tên Huỳnh Thị Út Mai. Theo biên bản xác minh ngày 23/7/2020 ban điều hành khu phố Bình H, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương cung cấp: Ngày 22/3/2020 ban điều hành khu phố Bình H có tổ chức hòa giải cho bà V và bà D, tại buổi hòa giải bà D trình bày bà có chơi hụi dùm cho bà V và đã nhận của bà V số tiền 19.100.000 đồng, bà D đã trả lại cho bà V số tiền 2.000.000 đồng, số tiền còn lại bà D đã đóng hụi dùm cho bà V tại chủ hụi bà Phan Thị Út M. Xét thấy, bà D cho rằng bà chỉ chơi hụi dùm cho bà V, nhưng bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà D có chơi hụi dùm cho bà V và có đưa tiền của bà V cho bà Út M. Mặt khác, lời trình bày của bị đơn cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 16.620.000 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 163, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 16.620.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 831.000 đồng (tám trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 427.500 đồng (bốn trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046432 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ